



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC  
BÌNH ĐỊNH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15 tháng 05 năm 2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13 tháng 02 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 4100406219. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 056 3822 233
- Fax: (84) 056 3823 863
- Website: [www.petecbidico.com.vn](http://www.petecbidico.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, hóa chất, khí đốt và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thực ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: Vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

Công ty có 8 đơn vị trực thuộc và 2 công ty con:

### Các Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Xi nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phú Mỹ - Phú Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

### Các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec	323 Bạch Đằng - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định	Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành...	100%
Công ty TNHH MTV	394 Trần Hưng Đạo - Thành phố	Bán buôn, bán lẻ nhiên liệu	100%

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xăng dầu Chợ Gồm Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm đã giải thể theo Quyết định số 215/2014/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Petec Bình Định và chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/01/2015.

### Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

#### Hội đồng quản trị

- |                         |              |                          |
|-------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Đức Trường  | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 09/05/2013 |
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |
| • Ông Lương Duy Văn     | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |
| • Ông Huỳnh Lạc         | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh    | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |
| • Ông Võ Hữu Tính       | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |

#### Ban Kiểm soát

- |                       |            |                          |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Đức Linh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 12/05/2010 |
| • Bà Phạm Thị Năm     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Văn Phan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Văn Ánh  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/05/2010 |

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                   |                          |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 16/01/2008 |
| • Ông Lương Duy Văn     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2008 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2008 |
| • Bà Không Thị Hà       | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 01/04/2011 |

#### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vn.vn).

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoạn và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Quy Nhơn, ngày 31 tháng 03 năm 2015



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC,  
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
L1 79-80 Đường 30 Tháng 4, Q. Hồ Chí Minh, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.911.3655880, Fax: 84.911.3655887  
Email: aac@aac.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Sa)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.9.09102210, Fax: 84.9.09102240  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 532/2015/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Petec Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30/03/2015, từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, giá gốc của các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty chưa niêm yết tại ngày 31/12/2014 là 5.478.927.000 đồng. Kiểm toán viên không được cung cấp báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư cũng như không xác định được giá trị thị trường của các chứng khoán nêu trên. Với hạn chế này, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản mục "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn".

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 0296-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 1483-2013-010-1

01. P. 2. 1. 10.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DNNH  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi,  
bổ sung của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>72.427.768.079</b>	<b>74.437.530.642</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.532.140.099	10.778.857.326
1. Tiền	111		14.532.140.099	10.278.857.326
2. Các khoản tương đương tiền	112			500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		41.256.672.594	48.434.857.720
1. Phải thu của khách hàng	131		38.372.497.299	51.248.594.726
2. Trả trước cho người bán	132		7.605.078.874	1.758.786.081
3. Các khoản phải thu khác	135	6	103.957.320	103.794.728
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(4.824.860.898)	(4.676.317.815)
IV. Hàng tồn kho	140		15.979.043.506	15.253.499.426
1. Hàng tồn kho	141	8	15.979.043.506	15.253.499.426
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		659.911.879	70.316.170
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		544.529.423	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	20.241.366	27.121.170
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	95.141.090	43.195.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>36.236.776.290</b>	<b>40.019.561.464</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.174.957.642	32.115.811.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.274.309.642	31.215.163.116
- Nguyên giá	222		51.703.018.274	51.636.847.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.428.708.632)	(20.441.684.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.479.031.400	5.737.907.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	5.479.064.524	6.666.125.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	14	(33.124)	(928.218.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		582.787.248	2.165.843.348
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	582.787.248	2.165.843.348
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>107.664.544.369</b>	<b>114.557.092.106</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>54.011.212.185</b>	<b>58.717.284.647</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.646.658.185</b>	<b>57.175.795.647</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	44.421.464.393	38.603.980.407
2. Phải trả cho người bán	312		3.320.758.124	10.710.044.929
3. Người mua trả tiền trước	313		83.073.326	63.146.303
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.479.979.326	2.311.494.127
5. Phải trả người lao động	315		1.129.846.928	2.586.947.915
6. Chi phí phải trả	316	18	-	5.472.727
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	1.966.379.226	1.967.105.892
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		240.156.862	927.603.347
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.364.554.000</b>	<b>1.541.489.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333	20	1.364.554.000	1.541.489.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53.653.332.184</b>	<b>55.839.807.459</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>53.653.332.184</b>	<b>55.839.807.459</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	30.600.000.000	30.600.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	16.557.483.450	16.557.483.450
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	3.060.000.000	3.060.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420	21	3.435.848.734	5.622.334.009
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>107.664.544.369</b>	<b>114.557.092.106</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại (USD)	-	305,65



Nguyễn Văn Phát  
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

*(Signature)*  
Khổng Thị Hà

Người lập

*(Signature)*  
Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số thuế - ĐNN: 0111000000  
Ban hành theo QĐ số 13/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các qui định của Bộ, Bộ trưởng của Bộ trưởng BTC

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	956.055.607.492	1.136.685.392.094
2. Các khoản giảm trừ	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	22	956.055.607.492	1.136.685.392.094
4. Giá vốn hàng bán	11	23	925.918.223.252	1.104.149.111.425
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		30.137.384.240	32.536.280.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.149.487.699	2.696.290.316
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	25	2.774.365.473	4.677.353.811
Trong đó: Lãi vay	23		3.332.324.732	4.631.220.104
8. Chi phí bán hàng	24		27.858.196.148	32.026.593.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.724.925.903	9.372.346.720
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.070.615.585)	(10.843.723.004)
11. Thu nhập khác	31	26	9.385.427.083	16.325.965.606
12. Chi phí khác	32	27	5.558.776	471.707.342
13. Lợi nhuận khác	40		9.379.868.309	15.854.258.264
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	4.309.252.724	5.010.535.260
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	990.495.599	1.209.830.656
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	3.318.757.125	3.800.704.604
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	28	-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	28	3.318.757.125	3.800.704.604
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.085	1.242



Nguyễn Trọng Phát  
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Khánh Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN/NH  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày  
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung  
của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.064.576.882.625	1.238.608.304.929
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.042.943.240.464)	(1.208.699.897.335)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.997.491.437)	(9.167.151.587)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.332.524.752)	(4.631.220.104)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.760.100.177)	(2.370.603.707)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.443.256.387	3.824.668.392
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.839.701.339)	(8.187.893.590)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.147.880.843</b>	<b>9.376.206.998</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(48.170.712)	(467.510.716)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	5.412.600.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	800.783.240	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.477.166	515.469.822
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>903.091.694</b>	<b>5.460.559.106</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	942.924.422.445	1.092.143.952.672
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(937.106.938.459)	(1.099.830.490.911)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.114.373.750)	(4.193.848.450)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.703.110.236</b>	<b>(11.882.386.689)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>3.753.282.773</b>	<b>2.954.379.415</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.778.857.326	7.824.477.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>14.532.140.099</b>	<b>10.778.857.326</b>



Nguyễn Trung Phát

Quy Nhơn, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Khánh Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15 tháng 05 năm 2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13 tháng 02 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 4100406219. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Nghành nghề kinh doanh chính*

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trò gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thực ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: Vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nóng, lạnh, thủy, hải sản.

### **Các Công ty con được hợp nhất:**

#### **Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Petec**

- Địa chỉ trụ sở chính: 323 Bạch Đằng - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Hoạt động chính của Công ty con: Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành, bán lẻ lương thực, thực phẩm...
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

#### **Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Chợ Gồm**

- Địa chỉ trụ sở chính: 394 Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Hoạt động chính của Công ty con: Bán buôn, bán lẻ nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm đã giải thể theo Quyết định số 215/2014/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Petec Bình Định và chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/01/2015.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi số bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nêu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh kế toán thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm.

### **4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 12
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	4 - 5

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

### 4.10 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### 4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện cân có vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó:
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.14 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	143.658.400	124.055.600
Tiền gửi ngân hàng	14.388.481.699	10.154.821.726
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.532.140.099</b>	<b>10.778.857.326</b>

## **6. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đỗ Ngọc Hùng	35.845.000	-
Phải thu về BHXH	-	24.393.547
Các khoản phải thu khác	68.112.320	79.401.181
<b>Cộng</b>	<b>103.957.320</b>	<b>103.794.728</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:	4.824.860.898	4.676.317.815
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	72.982.321	560.417.244
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	854.921.750	639.779.236
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	333.307.863	224.021.600
- Trên 3 năm	3.361.648.964	3.232.100.335
<b>Cộng</b>	<b>4.824.860.898</b>	<b>4.676.317.815</b>

### 8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	4.842.681.814	5.177.136.363
Nguyên liệu, vật liệu	100.451.944	173.288.563
Công cụ dụng cụ	16.841.818	16.841.818
Thành phẩm	39.448.474	20.879.377
Hàng hóa	10.979.619.456	9.865.353.305
<b>Cộng</b>	<b>15.979.043.506</b>	<b>15.253.499.426</b>

### 9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế TNCN nộp thừa	-	27.121.170
Thuế TNDN nộp thừa	20.241.366	-
<b>Cộng</b>	<b>20.241.366</b>	<b>27.121.170</b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	95.141.090	43.195.000
<b>Cộng</b>	<b>95.141.090</b>	<b>43.195.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phần vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	40.860.818.829	7.618.053.518	2.942.938.699	89.741.061	143.295.433	51.656.847.562
Trình bày lại	-	1.172.170.000	(1.186.420.000)	-	14.250.000	-
Đầu XDCH hình thành	48.170.712	-	-	-	-	48.170.712
Tỷ, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.908.989.541</b>	<b>8.790.223.518</b>	<b>1.756.518.699</b>	<b>89.741.061</b>	<b>159.545.433</b>	<b>51.705.018.274</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	13.443.320.730	4.962.349.036	1.912.407.621	89.741.061	33.863.998	20.441.684.446
Trình bày lại	-	468.117.470	(473.956.006)	-	5.838.536	-
Khấu hao	1.809.230.303	1.095.964.501	57.420.295	-	26.409.087	2.989.024.186
Tỷ, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.252.551.033</b>	<b>6.526.431.007</b>	<b>1.495.871.910</b>	<b>89.741.061</b>	<b>66.113.621</b>	<b>23.430.708.632</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	27.417.498.099	2.655.704.482	1.030.531.078	-	111.429.437	31.215.163.116
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.656.438.508</b>	<b>2.263.792.511</b>	<b>260.646.789</b>	<b>-</b>	<b>93.431.814</b>	<b>28.274.309.642</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014: 19.351.671.550 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 8.366.660.510 đồng.

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>900.648.000</b>	<b>900.648.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>900.648.000</b>	<b>900.648.000</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài là thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hạnh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác				
+ Đầu tư cổ phiếu	487.866	3.479.064.524	344.333	6.666.125.000
- Công ty CP Cà phê Petec	29.200	294.000.000	29.200	294.000.000
- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec (*)	-	-	13.500	134.350.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (*)	8.823	134.350.000		
- Công ty CP Kho vận Petec	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	6	33.124	31.796	1.157.198.000
- Công ty CP BD sản và KỸ thuật Xăng dầu	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
- Tổng Công ty Thương mại KỸ thuật và Dầu tư	49.837	1.046.577.000	49.837	1.046.577.000
<b>Cộng</b>		<b>5.479.064.524</b>		<b>6.666.125.000</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec đã sáp nhập vào Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định theo phương thức hoán đổi cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1,53 cổ phiếu của Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định. Ngày chốt danh sách cổ đông Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu là 16h00 ngày 31/12/2014.

Các cổ phiếu mà Công ty đang đầu tư dài hạn chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch (trừ cổ phiếu của Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1) và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào về thị giá của các cổ phiếu. Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của các Công ty nói trên. Do đó, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

### 14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		33.124		928.218.000
+ Đầu tư cổ phiếu	6	33.124	31.796	928.218.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	6	33.124	31.796	928.218.000
<b>Cộng</b>		<b>33.124</b>		<b>928.218.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	453.572.096	1.833.605.950
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	106.647.162	298.929.248
Chi phí trả trước dài hạn khác	22.568.000	33.308.150
<b>Cộng</b>	<b>582.787.248</b>	<b>2.165.843.348</b>

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	44.421.464.393	38.603.980.407
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	44.421.464.393	38.603.980.407
Nợ ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>44.421.464.393</b>	<b>38.603.980.407</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.706.320	88.375.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	749.363.212
Thuế thu nhập cá nhân	145.118.795	3.100.000
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.332.154.211	1.470.635.118
<b>Cộng</b>	<b>1.479.979.326</b>	<b>2.311.474.127</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Chi phí phải trả**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí thuế cộng tác viên	-	5.472.727
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.472.727</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	125.642.870	144.341.562
Nguyễn Công Huân	246.865.997	620.339.997
Cửa hàng Lợi An Phò	107.000.000	107.000.000
Cổ tức phải trả	1.160.312.338	684.686.108
Các khoản phải trả, phải nộp khác	326.558.001	410.738.225
<b>Cộng</b>	<b>1.966.379.206</b>	<b>1.967.105.892</b>

### 20. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.364.554.000	1.541.489.000
<b>Cộng</b>	<b>1.364.554.000</b>	<b>1.541.489.000</b>

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số tại 01/01/2013	30.600.000.000	16.267.003.001	3.060.000.000	6.713.228.276	56.640.231.277
Tăng trong năm	-	290.480.449	-	3.800.704.704	4.091.185.153
Giảm trong năm	-	-	-	4.891.608.971	4.891.608.971
Số tại 31/12/2013	30.600.000.000	16.557.483.450	3.060.000.000	5.622.324.009	55.839.807.459
Số tại 01/01/2014	30.600.000.000	16.557.483.450	3.060.000.000	5.622.324.009	55.839.807.459
Tăng trong năm	-	-	-	3.318.757.125	3.318.757.125
Giảm trong năm	-	-	-	5.505.232.400	5.505.232.400
Số tại 31/12/2014	30.600.000.000	16.557.483.450	3.060.000.000	3.435.848.734	53.653.332.184



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	9.652.000.000	9.652.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.948.000.000	20.948.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.600.000.000</b>	<b>30.600.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

**d. Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	5.622.324.009	6.713.228.276
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	3.318.757.125	3.800.704.704
<b>Các khoản giảm lợi nhuận</b>	<b>5.505.232.400</b>	<b>4.891.608.971</b>
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	3.975.232.400	3.361.608.971
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	290.480.449
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	713.232.400	464.268.522
- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	200.000.000	158.860.000
- Trả cổ tức	3.060.000.000	2.448.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay (**)	1.530.000.000	1.530.000.000
- Trả cổ tức	1.530.000.000	1.530.000.000
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>3.435.848.734</b>	<b>5.622.324.009</b>

(\*) Việc trích lập các quỹ và trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 14/05/2014.

(\*\*) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 theo tỷ lệ 5% vốn điều lệ căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 23/08/2014.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	956.055.607.492	1.136.685.392.094
- Doanh thu kinh doanh xi măng	293.658.568.698	302.603.679.599
- Doanh thu kinh doanh xăng dầu	550.952.163.462	602.346.463.328
- Doanh thu kinh doanh công nghệ phẩm	98.804.741.763	102.327.940.759
- Doanh thu kinh doanh ô tô	-	150.000.000
- Doanh thu kinh doanh sản lát	-	113.498.456.783
- Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	4.753.878.030	5.632.437.302
- Doanh thu bán thành phẩm nước	1.473.594.623	1.300.330.495
- Doanh thu hoạt động lữ hành	1.246.035.907	901.300.910
- Doanh thu dịch vụ ăn uống	5.166.625.007	7.722.800.716
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>956.055.607.492</b>	<b>1.136.685.392.094</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn kinh doanh xi măng	279.772.820.259	287.279.646.261
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	540.835.989.153	594.784.960.025
Giá vốn kinh doanh công nghệ phẩm	97.466.824.427	101.102.971.145
Giá vốn kinh doanh ô tô	-	147.754.618
Giá vốn kinh doanh sản lát	-	110.757.405.356
Giá vốn bán thành phẩm nước	1.252.287.197	1.302.054.386
Giá vốn hoạt động lữ hành	1.198.855.966	887.051.307
Giá vốn dịch vụ ăn uống	5.391.446.250	7.887.268.127
<b>Cộng</b>	<b>925.918.223.252</b>	<b>1.104.149.111.425</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	70.477.166	130.669.822
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	384.800.000
Nhận hỗ trợ lãi suất	331.238.000	620.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	375.050.010
Lãi bán hàng trả chậm	747.772.533	1.185.370.484
<b>Cộng</b>	<b>1.149.487.699</b>	<b>2.696.290.316</b>

**25. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	3.332.524.752	4.631.220.104
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	63.748.806	87.532.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.555	5.217.138
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(928.184.876)	(46.616.400)
Lỗ bán chứng khoán đầu tư	306.275.236	-
<b>Cộng</b>	<b>2.774.365.473</b>	<b>4.677.353.811</b>

**26. Thu nhập khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ nhận khuyến mãi, thưởng, hỗ trợ bán hàng	9.248.963.234	11.128.633.039
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	-	4.920.545.455
Thu nhập khác	136.463.851	276.787.112
<b>Cộng</b>	<b>9.385.427.085</b>	<b>16.325.965.606</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**27. Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí bán hàng lý, chuyển nhượng tài sản	-	364.431.586
Phạt vi phạm hành chính	700.000	3.886.183
Chi phí khác	4.858.776	103.389.473
<b>Cộng</b>	<b>5.558.776</b>	<b>471.707.242</b>

**28. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong năm**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.309.252.724	5.010.535.360
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	193.000.000	(171.212.737)
Điều chỉnh tăng	193.000.000	213.587.263
- Chi phí không hợp lý	52.000.000	99.587.263
- Thủ tục HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	141.000.000	114.000.000
Điều chỉnh giảm	-	384.800.000
- Cổ tức nhận được	-	384.800.000
Tổng thu nhập chịu thuế	4.502.252.724	4.839.322.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	990.495.599	1.209.830.656
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.318.757.125</b>	<b>3.800.704.704</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.318.757.125	3.800.704.704

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.318.757.125	3.800.704.704
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.318.757.125	3.800.704.704
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.000	3.060.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.085</b>	<b>1.242</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.683.629.148	6.995.680.515
Chi phí nhân công	8.856.951.981	11.141.678.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.989.024.186	3.287.142.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.186.668.105	24.232.382.847
Chi phí khác bằng tiền	2.681.851.681	5.770.742.988
<b>Cộng</b>	<b>41.398.125.101</b>	<b>51.427.627.338</b>

### 31. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### *Quản lý rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

#### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Toàn bộ các khoản vay nợ trong năm của Công ty đều là vay nợ Ngân hàng, mức lãi suất trong các thỏa thuận vay nợ trong dài hạn ổn định. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự kiến của Công ty ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả hàng hóa mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	44.421.464.393	-	44.421.464.393
Phải trả người bán	3.320.758.124	-	3.320.758.124
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	1.840.736.356	1.364.554.000	3.205.290.356
<b>Cộng</b>	<b>49.582.958.873</b>	<b>1.364.554.000</b>	<b>50.947.512.873</b>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	38.603.980.407	-	38.603.980.407
Phải trả người bán	10.710.044.929	-	10.710.044.929
Chi phí phải trả	5.472.727	-	5.472.727
Phải trả khác	1.822.764.330	1.541.489.000	3.364.253.330
<b>Cộng</b>	<b>51.142.262.393</b>	<b>1.541.489.000</b>	<b>52.683.751.393</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và các tài sản tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.532.140.099	-	14.532.140.099
Phải thu khách hàng	33.547.636.401	-	33.547.636.401
Đầu tư tài chính	-	5.479.031.400	5.479.031.400
Phải thu khác	103.957.320	-	103.957.320
<b>Cộng</b>	<b>48.183.733.820</b>	<b>5.479.031.400</b>	<b>53.662.765.220</b>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	10.778.857.326	-	10.778.857.326
Phải thu khách hàng	46.572.276.911	-	46.572.276.911
Đầu tư tài chính	-	5.737.907.000	5.737.907.000
Phải thu khác	79.401.181	-	79.401.181
<b>Cộng</b>	<b>57.430.535.418</b>	<b>5.737.907.000</b>	<b>63.168.442.418</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

### 33. Thông tin các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Tên Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Công ty đầu tư Chi nhánh của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư

#### b. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	-	193.231.170
<b>Mua hàng</b>		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	122.067.563.394	200.072.756.212

#### c. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	1.151.250.761	855.132.035

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### d. Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thưởng và thôi lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thôi lao Hội đồng quản trị	276.000.000	276.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	547.500.000	693.790.000
- Tiền lương	487.500.000	643.790.000
- Tiền thưởng	60.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>823.500.000</b>	<b>969.790.000</b>

### 34. Sự kiện nổi bật phát sinh trong năm

Ngày 05/05/2014, Hội đồng quản trị Công ty CP Petec Bình Định đã ban hành Quyết định số 215/2014/QĐ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm và sáp nhập vào Công ty. Hiện nay, Công ty đang làm các thủ tục với các cơ quan chức năng Tỉnh Bình Định để được thông báo chính thức giải thể.

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Không Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt



**Trụ sở chính tại Đà Nẵng**

Lô 79-80, Đường 30/4,  
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam  
Tel: +84-511) 3655 888  
Fax: +84-511) 3655 887  
Email: [acc@dong.com.vn](mailto:acc@dong.com.vn)  
Website: <http://www.aac.com.vn>

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan  
47-49 Hoàng Sa, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +84-8) 3919 2285  
Fax: +84-8) 3919 2289  
Email: [acc.hcm@aac.com.vn](mailto:acc.hcm@aac.com.vn)

Thành viên

